TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 – CÀ MAU** **TỈNH CÀ MAU** Bản án số: 65/2026/HNGĐ-ST Ngày 17 tháng 7 năm 2026 V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 – CÀ MAU, TỈNH CÀ MAU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Hồng Lam**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Võ Minh Sơn**

Ông **Trần Bằng Phi**

Thư ký phiên tòa: Bà **Hồng Thị Xuân** - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau tham gia phiên tòa: Bà **Trần Mỹ Linh** - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 7 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 6 – Cà Mau, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 176/2026/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2026 về tranh chấp "Ly hôn, nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2026/QĐXXST-HNGĐ ngày 01 tháng 6 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Trần Vũ M, sinh ngày 05/4/2001;

Địa chỉ: Ấp H, xã C, tỉnh Tây Ninh.

- Bị đơn: Bà Trần Ngọc T, sinh ngày 27/10/1990;

Địa chỉ: Số 155/5, khóm H, phường B, tỉnh Cà Mau.

(Các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Trần Vũ M, bị đơn bà Trần Ngọc T trình bày:

- Về hôn nhân: Ông M và bà T sống chung như vợ chồng từ năm 2020 và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An vào ngày 04/12/2023. Trong quá trình chung sống, dần phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không hòa hợp. Ông M yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với bà T, theo

biên bản lấy lời khai ngày 22/4/2026 bà T đồng ý ly hôn với ông M nhưng vắng mặt tại các phiên hòa giải và xét xử.

- Về con chung: Có 03 con chung tên Trần Quốc T, sinh ngày 02/5/2021, Trần Diệu P, sinh ngày 11/10/2022 và Trần Quốc H, sinh ngày 05/4/2024, ông M yêu cầu nuôi các con chung, không yêu cầu bà T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung; Nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung vụ án:

- Về thủ tục tố tụng:

Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Tòa án đã thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Giải quyết đúng thẩm quyền, cấp, tống đạt các văn bản đúng quy định. Thành phần Hội đồng xét xử đúng quy định, không thuộc trường hợp phải thay đổi ai. Vì vậy, về mặt thủ tục tố tụng, Viện kiểm sát không có ý kiến hay kiến nghị.

- Về nội dung vụ án:

Có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Trần Vũ M đối với bà Trần Ngọc T.

Về con chung: Giao con chung tên Trần Quốc T, sinh ngày 02/5/2021, Trần Diệu P, sinh ngày 11/10/2022 và Trần Quốc H, sinh ngày 05/4/2024 cho ông M trực tiếp nuôi. Bà T không cấp dưỡng nuôi con do ông M không yêu cầu.

Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; ý kiến của đương sự; quan điểm của đại diện Viện kiểm sát; sau khi thảo luận, nghị án; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn ông Trần Vũ M khởi kiện yêu cầu ly hôn, nuôi con với bà Trần Ngọc T, nên đây là tranh chấp về ly hôn, nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025. Bị đơn bà Trần Ngọc T có nơi cư trú tại phường B, tỉnh Cà Mau, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Cà Mau theo quy định tại Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[2] Xét xử vắng mặt đương sự: Ông Trần Vũ M có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Trần Ngọc T đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt, nên Tòa án xét xử vắng mặt ông M, bà T theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

[3] Về hôn nhân: Ông Trần Vũ M và bà Trần Ngọc T sống chung như vợ chồng năm 2020, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn C, huyện C, tỉnh Long An vào ngày 04/12/2023. Nên hôn nhân giữa ông M và bà T là hợp pháp, được pháp luật bảo vệ.

Ông M và bà T xác định trong quá trình chung sống, dần phát sinh nhiều mâu thuẫn, cuộc sống chung không hòa hợp. Ông M yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với bà T, bà T đồng ý ly hôn với ông M. Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng bà T đều vắng mặt. Qua đó cho thấy ông M và bà T không có khả năng hàn gắn tình cảm. Xét thấy mục đích của hôn nhân giữa ông M và bà T không đạt được.

Căn cứ Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông M, cho ông M được ly hôn với bà T.

[4] Về con chung: Ông Trần Vũ M và bà Trần Ngọc T xác định có 03 người con chung tên Trần Quốc T, sinh ngày 02/5/2021, Trần Diệu P, sinh ngày 11/10/2022 và Trần Quốc H, sinh ngày 05/4/2024. Các con đang sống cùng ông M. Ông M có yêu cầu được nuôi 03 con chung, bà T đồng ý giao con chung cho ông M nuôi. Cho nên, Hội đồng xét xử có căn cứ giao các con chung cho ông M trực tiếp nuôi.

Bà Trần Ngọc T không cấp dưỡng nuôi con do ông Trần Vũ M không yêu cầu.

[5] Về tài sản chung và nợ chung: Ông M và bà T xác định không có, nên không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về án phí: Ông Trần Vũ M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[7] Quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật.

[8] Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Cà Mau có căn cứ, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025;

- Điều 51; Điều 53; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông Trần Vũ M đối với bà Trần Ngọc T. Ông Trần Vũ M được ly hôn với bà Trần Ngọc T.

2. Về con chung: Có 03 người con chung tên Trần Quốc T, sinh ngày 02/5/2021, Trần Diệu P, sinh ngày 11/10/2022 và Trần Quốc H, sinh ngày 05/4/2024. Giao các con chung cho ông Trần Vũ M trực tiếp nuôi.

Bà Trần Ngọc T không cấp dưỡng nuôi con do ông Trần Vũ M không yêu cầu.

Bà Trần Ngọc T được quyền thăm nom con chung, không ai được phép ngăn cản.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Trần Vũ M, bà Trần Ngọc T xác định không có, không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

4. Về án phí: Án phí sơ thẩm hôn nhân gia đình ông Trần Vũ M phải chịu 300.000 đồng. Ông M đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí tại biên lai thu số 0004918 ngày 22/4/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Cà Mau được chuyển thu án phí 300.000 đồng.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

6. Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND khu vực 6 – Cà Mau;
- THADS tỉnh Cà Mau;

- UBND phường Bạc Liêu, tỉnh Cà Mau;
- Các đương sự;
- Lưu.

Lê Hồng Lam